

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN NGỌC NHƯ Ý**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ BẤT ĐỘNG SẢN NGỌC NHƯ Ý

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NGOC NHU Y REAL ESTATE SERVICE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110363221

**3. Ngày thành lập:** 24/05/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 57 ngõ 12 Phố Bồ Đề, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0933068659

Fax:

Email: [anhndn114@gmail.com](mailto:anhndn114@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                         | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                           | 4390        |
| 5.  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                    | 6810(Chính) |
| 6.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>Tư vấn Bất động sản;<br>Môi giới bất động sản                                                               | 6820        |
| 7.  | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                        | 7710        |
| 8.  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định                                | 4931        |
| 9.  | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi;<br>Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng;<br>Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô | 4932        |

|     |                                                                                                                                                                                                                              |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ<br>Chi tiết: Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ                                                                                                | 5225 |
| 11. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>(Trừ vận tải hàng hóa hàng không)                                                                                                                                     | 5229 |
| 12. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                    | 5510 |
| 13. | Cơ sở lưu trú khác                                                                                                                                                                                                           | 5590 |
| 14. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                             | 5610 |
| 15. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng<br>(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)                                                                                | 5621 |
| 16. | Dịch vụ ăn uống khác<br>(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)                                                                                                                                    | 5629 |
| 17. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)                                                                                                                                 | 5630 |
| 18. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                | 7721 |
| 19. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                                                                                    | 7729 |
| 20. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>(Loại trừ cho thuê máy bay)                                                                                                                | 7730 |
| 21. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                               | 7911 |
| 22. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa phục vụ khách du lịch nội địa.<br>- Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế phục vụ khách du lịch quốc tế đến Việt Nam và khách du lịch ra nước ngoài. | 7912 |
| 23. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                          | 7990 |
| 24. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                                                                                      | 8110 |
| 25. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                        | 8121 |
| 26. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                            | 4101 |
| 27. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                      | 4102 |
| 28. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                | 4211 |
| 29. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                 | 4212 |
| 30. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                     | 4221 |
| 31. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                          | 4222 |
| 32. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                           | 4223 |
| 33. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                            | 4229 |
| 34. | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                     | 4291 |

|     |                                                                                            |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 35. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                            | 4292 |
| 36. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                      | 4293 |
| 37. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>(Không bao gồm chia tách đất và cải tạo đất) | 4299 |
| 38. | Phá dỡ<br>(trừ hoạt động nổ mìn)                                                           | 4311 |
| 39. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(trừ hoạt động nổ mìn)                                                | 4312 |
| 40. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                      | 4321 |

**6. Vốn điều lệ:** 100.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Ho và tên: ĐÀO NGOC ANH

Giới tính: *Nữ*

Sinh ngày: 11/02/1985

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001185004091

Ngày cấp: 11/03/2015

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Địa chỉ thường trú: P406A Khu A2 Tập thể Trung Tự, Phố Phạm Ngọc Thạch, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P406A Khu A2 Tập thể Trung Tự, Phố Phạm Ngọc Thạch, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: ĐÀO NGOC ANH

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 11/02/1985

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001185004091

Ngày cấp: 11/03/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: P406A Khu A2 Tập thể Trung Tự, Phố Phạm Ngọc Thạch, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: P406A Khu A2 Tập thể Trung Tự, Phố Phạm Ngọc Thạch, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội